

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2026
V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Bạ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2026/QDDST - HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: TDP B, phường L, tỉnh Lâm Đồng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: TDP H C, phường B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung như vợ chồng từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 07/01/2015. Sống chung hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà L và ông T sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn khả năng đoàn tụ nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Đặng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T có 2 con chung là Đặng Văn T1, sinh ngày 04/6/2015 và Đặng Thành Đ, sinh ngày 13/2/2018. Cả 02 cháu hiện đang sống cùng bà L nên bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 và cháu Đ đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Đặng T trình bày: Ông T đồng ý ly hôn với bà L nhưng về con chung ông có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, về cấp dưỡng, tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắc Lắc phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắc Lắc đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đặng T

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T có 02 con chung là Đặng Văn T1, sinh ngày 04/6/2015 và Đặng Thành Đ, sinh ngày 13/2/2018.

Giao con chung là cháu Đặng Văn T1 và cháu Đặng Thành Đ cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Ông Đặng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 07/01/2015. Quá trình sống chung có 02 người con chung là Đặng Văn T1 và Đặng Thành Đ, do cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc nên bà L khởi kiện ra tòa đề nghị xem xét, giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 07/01/2015, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng bà L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, hiện đã sống ly thân, không còn khả năng đoàn tụ nên bà L có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, ông bà hiện đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T đã ly thân, không còn chung sống với nhau, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng T có 02 con chung là Đặng Văn T1, sinh ngày 04/6/2015 và Đặng Thành Đ, sinh ngày 13/2/2018. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bà L, nên bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời nguyện vọng của bà L phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

Xét thấy bà L đủ điều kiện nuôi con, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 04/6/2015 và cháu Đặng Thành Đ, sinh ngày 13/2/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Đặng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đặng T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 04/6/2015 và cháu Đặng Thành Đ, sinh ngày 13/2/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Đặng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002082 ngày 10/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSKV1 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THAKV 1 - Đắk Lắk;
- UBND P. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh